

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/3/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Q

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng V
2. Ông Đỗ Khắc K

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXX ngày 08 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thu T - Sinh năm 1989.

HKTT: Đội 3, phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: SN 19 đường T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức D - Sinh năm 1989

HKTT: Đội 3, phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức D kết hôn với nhau năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, nên không khí gia

đình luôn căng thẳng nặng nề. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng hơn. Bản thân chị đã từng nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để giải quyết ly hôn với anh D, nhưng sau đó vì mong muốn gìn giữ gia đình nên chị đã rút đơn về. Kể từ đầu năm 2023 đến nay chị cùng 02 con bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai. Chị được biết trong thời gian sống ly thân, anh D vi phạm pháp luật nên hiện đang bị tạm giam. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đức D có 02 con chung là cháu Nguyễn Huy Tr – sinh ngày 29/9/2016 và Nguyễn Nhật M – sinh ngày 01/8/2018. Ly hôn, do anh D đang bị tạm giam nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nhưng nếu anh D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung thì anh D cấp dưỡng bao nhiêu chị cũng đồng ý.

Về tài sản công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Đức D trình bày:

Anh và chị Phạm Thu T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường Q, thành phố Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi lúc cũng có xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến cãi nhau. Anh Thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T, nên anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Huy Tr – sinh ngày 29/9/2016 và Nguyễn Nhật M – sinh ngày 01/8/2018. Ly hôn, anh đồng ý để chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.500.000 đồng/cháu/tháng, cả hai cháu là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh D làm đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: Anh Nguyễn Đức D và chị Phạm Thu T kết hôn với nhau năm 2015 và chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân như thế nào phổ không nắm được. Nhưng địa phương được biết hiện chị T đã cùng với hai con về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Q để ở, còn anh D hiện không ở tại địa phương, nhưng ở đâu thì phổ không nắm được. Về con: Anh D, chị T có hai con chung là cháu Nguyễn Huy Tr – sinh ngày 29/9/2016 và Nguyễn Nhật M – sinh ngày 01/8/2018. Về tài sản công nợ của anh chị địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt anh D, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm nội dung nào khác. Về yêu cầu tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi

con chung 2.500.000 đồng/tháng/cháu, cả hai cháu là 5.000.000 đồng/tháng của anh D. Tuy anh D đang bị tạm giam, nhưng chị T thấy cấp dưỡng tiền nuôi con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, hơn nữa chị cũng mong muốn các con thấy được, tuy bố mẹ ly hôn nhưng vẫn quan tâm và có trách nhiệm với các con trong bất kỳ hoàn cảnh nào nên chị T đồng ý với sự tự nguyện của anh D. Do anh D đang bị tạm giam nên khi nào anh D được ra Trại, có điều kiện thi hành án thì chị sẽ yêu cầu thi hành án, do chị có thu nhập ổn định khoảng 15.000.000 đồng/tháng nên vẫn đảm bảo được đầy đủ điều kiện vật chất cũng như tinh thần để nuôi dạy các con.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: Đại diện Viện kiểm sát xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, nên đề nghị H ĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Đại diện Viện kiểm sát xét thấy từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân, cháu Tr và cháu M đều ở với mẹ, chị T có thu nhập ổn định và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Do anh D đang bị tạm giam nên giao cả hai cháu Tr và M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Xét thấy anh D trước khi bị tạm giam nghề nghiệp làm kỹ sư, có thu nhập việc anh D tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi cháu 2.500.000 đồng là tự nguyện. Tại phiên tòa chị T trình bày ý kiến hiện nay anh D đang bị tạm giam nên khi nào anh D có điều kiện cấp dưỡng chị sẽ yêu cầu thi hành án. Do đó chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của bị đơn và thời điểm yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn; Về tài sản công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thu T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đức D có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa (hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa) nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 để xét xử.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Đức D kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thu T thấy rằng: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị cương quyết ly hôn. Anh D thừa nhận mâu thuẫn

vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có xảy ra cãi nhau và anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T nên anh không đồng ý ly hôn. Thực tế cho thấy, hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, có trách nhiệm và chung sống hòa thuận với nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của chị T, anh D, cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống thể hiện: vợ chồng chị T, anh D chung sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2021 đến nay vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, năm 2023 chị T đã nộp đơn ly hôn gửi đến Tòa án để giải quyết, nhưng sau đó đã rút đơn về, nhưng mâu thuẫn không được giải quyết, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Do đó, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân giữa chị T anh D không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh D.

[3] *Về con chung*: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Huy Tr – sinh ngày 29/9/2016 và Nguyễn Nhật M – sinh ngày 01/8/2018 hiện đang ở với chị T, chị vẫn nuôi dạy các cháu đảm bảo về mọi mặt. Do anh D đang bị tạm giam nên giao cả hai cháu Tr và M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như với ý chí, nguyện vọng của chị T, anh D và cháu Tr. Mặc dù anh D đang bị tạm giam, nhưng anh D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung, và chị T cũng đồng ý với sự tự nguyện của anh D. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận sự tự nguyện của anh D về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng/cháu, cả hai cháu 5.000.000đồng/tháng. Về ý kiến của nguyên đơn do hiện nay anh D đang bị tạm giam nên khi nào anh D có điều kiện cấp dưỡng chị sẽ yêu cầu thi hành án. Tại phiên tòa vắng mặt anh D, do anh D đang bị tạm giam và vẫn chưa có bản án, quyết định của Tòa án, nên không thể xác định được thời điểm anh D sẽ được ra Trại và có điều kiện cấp dưỡng như ý kiến của chị T. Vì vậy, thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con chung sẽ được tính từ ngày tuyên án cho đến khi các cháu Tr và M thành niên. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án... của các đương sự sẽ được thực hiện theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

[4] *Về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị Phạm Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Đức D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, khoản 6

Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thu T được ly hôn anh Nguyễn Đức D.

Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Huy Tr – sinh ngày 29/9/2016 và Nguyễn Nhật M – sinh ngày 01/8/2018 là con chung của chị Phạm Thu T và anh Nguyễn Đức D. Giao cháu Tr và cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng/cháu, cả hai cháu 5.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 26/3/2024 cho đến khi các cháu thành niên.

Anh D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh D phải nộp 300.000 án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0002901 ngày 08/11/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị Nga đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND P. Q , Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Q

